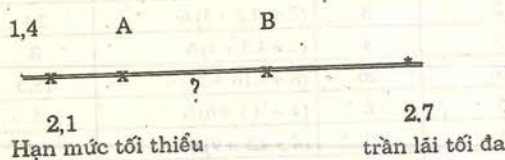


Tại VN kể từ quyết định QĐ 39/HDBT ngày 10.4.1989 đến quyết định mới nhất sau khi được sửa đổi nhiều lần, lãi suất cho vay lớn hơn lãi suất tiết kiệm và được khống chế từ 2,1 đến 2,7% tùy ngành cụ thể: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn 0,7%/tháng, có kỳ hạn 3 tháng 1,4%/tháng, có kỳ hạn 6 tháng 1,7%/tháng và có kỳ hạn 12 tháng 2%/tháng. Khung lãi suất này được thể hiện trên đường biểu diễn sau:



N

GÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ VẤN ĐỀ XỬ LÝ LÃI SUẤT CHO VAY

BỮU THÙY

Trước giới hạn trên, NHTM nên chọn chỉ số nào? Nếu áp dụng đúng mỗi chỉ số riêng biệt cho mỗi ngành nghề có thể dung lượng cho vay không lớn, tiền tồn đọng cao ngoài ra còn có trường hợp tuy đúng ngành song khả năng kinh doanh của đơn vị yếu, mức hoàn vốn nhiều rủi ro.

Nếu chọn lãi suất tối đa, lợi nhuận cao song có điểm bất lợi:

- Rủi ro nhiều, xí nghiệp do phải chịu phí tổn cao, có thể mất khả năng hoàn vốn hoặc hoàn vốn chậm trễ, ngân hàng mất tính cơ động (trường hợp số cung tiền tệ yếu đặc tính này vẫn giữ nguyên bản chất).

- Nếu chọn lãi suất tối thiểu, lợi nhuận ngân hàng có thể không bù đắp nổi chi phí.

Giữa 2 hạn ngạch đó, NH sẽ xác định được điểm nào là điểm tối thiểu hợp lý nhất để từ đó việc xử lý lãi suất sẽ dễ dàng, mạnh dạn, uyển chuyển.

Trước khi đi vào tính toán cụ thể, chúng tôi xin trình bày qua một số yếu tố tác động đến biên độ lãi suất và trên cơ sở đó cố gắng xác định một điểm tối thiểu hợp lý.

Không giống như lãi suất một số trái phiếu được minh định cụ thể, lãi suất NH cho vay được xác định qua sự thương lượng giữa 2 bên trong giới hạn cho phép.

Ngân hàng TM ngoài lợi nhuận thu được từ các khoản cho vay còn có lợi nhuận từ các dịch vụ khác; đồng thời ngoài phí tổn trả cho các trường mục ký thác còn có các phí tổn khác. Như vậy, ta thấy có 2 động lực ngược chiều nhau, một động lực làm gia tăng lãi suất, một động lực làm co rút lãi suất, sự tác động hỗ tương của 2 động lực sẽ đưa lãi suất đến một vị trí tối thiểu nằm trong 2 giới hạn. Tại các nước đã phát triển, chúng ta có thể sắp xếp như sau:

+ Các động lực làm gia tăng lãi suất:

- Phí tổn trả cho các trường mục ký thác, phí tổn nhân viên, thuế tiền thuê nhà, rủi ro tín dụng (đây là các yếu tố có thể lượng hóa được).

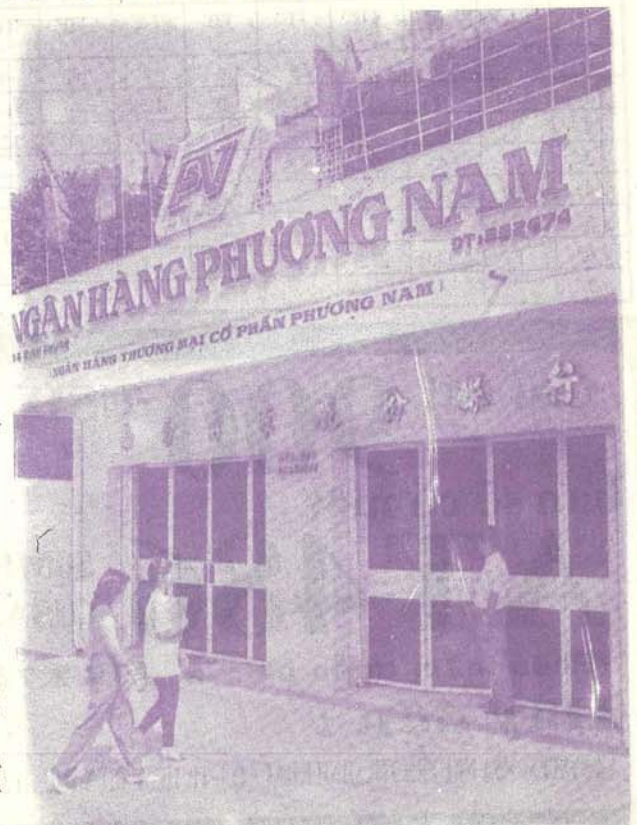
- Ý muốn của cổ phần viên, cung cầu trên thị trường tiền tệ (yếu tố mang tính tâm lý chỉ ước đoán).

- + Các động lực làm co rút lãi suất:

- Lợi nhuận từ các khoản cho vay, lợi nhuận từ các dịch vụ ủy thác rủi ro tín dụng giảm, lợi tức từ các dịch vụ NH cung cấp (yếu tố có thể lượng hóa).

- Cung cầu trên thị trường tiền tệ, lợi tức từ các chứng khoán.

Các yếu tố gia tăng và co rút này xuất hiện đầy đủ tại các quốc gia đã phát triển và rõ ràng yếu tố co rút đóng vai trò quan trọng trong việc giảm lãi suất (đây cũng là 1 trong các nguyên nhân đưa đến lãi suất cho vay thấp tại các nước đã phát triển).



Tại VN, NHTM hoạt động chưa bao lâu, thị trường tiền tệ chưa hình thành đầy đủ, các công cụ trên thị trường tiền tệ và tài chính còn thiếu, yếu tố thuận lợi tác động đến sự co rút lãi suất còn yếu, cho nên khi tính toán một số liệu cụ thể, chúng tôi loại bỏ các yếu tố chưa có hoặc có nhưng chưa ảnh hưởng quan trọng tác động lên lãi suất. Tuy vậy cố gắng để đừng đi xa thực tế.

Giả thiết rằng các yếu tố làm gia tăng lãi suất của một NHTM cổ phần có quy mô trung bình gồm:

- Lãi suất trả cho các trường mục không kỳ hạn (hiện nay là 0,7% tháng) ký hiệu r1. (Độ lớn của trường mục này

ký hiệu là k₁)

- Lãi suất trả cho các trường mục hạn kỳ ký hiệu r₂ (độ lớn của nó ký hiệu k₂)

- Các phí tổn khác, ký hiệu là B - lãi suất cho vay ký hiệu r_x.

- Giả định k₁ = 100.000, k_r = 10.000

Thế vào công thức (3) ta có:

$$r_x \geq \frac{\left(\frac{7}{1.000} \times 100.000 + \frac{14}{1.000} \times 10.000 \right) \times 2 \times \frac{9}{10}}{100.000 + 10.000}$$

$$r_x \geq 1,69\%$$

Như vậy, một NHTM cổ phần với cấu trúc vốn như trên và những điều kiện của giả thiết lãi suất cho vay có thể từ 1,69% đến 2,7%.

Nếu cấu trúc vốn giả định 50% không kỳ hạn, 50% có kỳ hạn lãi suất cho vay phải từ 2,33% đến 2,7% (ở đây chúng tôi loại bỏ yếu tố rủi ro tín dụng để đơn giản hóa dần yếu tố rủi ro tín dụng hiện còn cao).

r_x mỗi NHTM như vậy khác nhau tùy theo cấu trúc nguồn vốn và có thể tính được với một xác suất cao có cộng thêm các yếu tố khác vào dựa trên số liệu của phòng kế toán, và r_x sẽ thay đổi mạnh nếu cấu trúc nguồn vốn thay đổi. Hiện tại hơn một nửa NHTM cổ phần tại thành phố có cấu trúc vốn giống trường hợp 2.

Cho nên khi NHNN dự định khống chế lãi suất cho

Ảnh: THIÊN TRIỀU



Thông thường phí tổn trả cho các trường mục ký thác chiếm 50% tổng phí (theo EDWARD W. REED và EDWARD K. GILL - *Ngân hàng thương mại*, bản dịch, xuất bản 1993, trang 276). Tương tự như tình hình VN hiện nay (báo cáo tháng 2.94 NHNN).

Từ đó ta có thể suy ra B = 50% tổng phí = phí tổn trả cho các trường mục ký thác.

- Dự trữ pháp định giả thiết 10% trên tổng số ký thác.
- Gọi Y là tổng phí, Y' là lợi tức sẽ thu, ta có

$$Y = r_1 k_1 + r_2 k_2 + B = 2r_1 k_1 + 2r_2 k_2 \quad (1)$$

$$Y = r_x (k_1 + k_2 + \dots \text{các lợi tức khác}) \quad (2)$$

Điều kiện để NH hoạt động có hiệu quả y' - y ≥ 0

Ta có:

$$r_x (k_1 + k_2) + \text{lợi tức khác} \geq 2r_1 k_1 + 2r_2 k_2$$

$$r_x = \frac{2r_1 k_1 + 2r_2 k_2 - \text{các lợi tức khác}}{k_1 + k_2} \quad (3)$$

Theo báo cáo tháng 3.94 và tháng 2.94 của NHNN và bảng đối chiếu biểu các NHTM có một số điểm đáng lưu ý sau:

- Mức thu nhập chủ yếu là các nghiệp vụ tín dụng (do đó các lợi tức khác không đáng kể).

- Cấu trúc của nguồn vốn huy động: tiền ký thác không kỳ hạn chiếm 61% trên tổng số.

- Một số NH có cấu trúc vốn thuận lợi như Sài Gòn công thương NH vốn không kỳ hạn 91% trên tổng số, Indovina 91,4%.

- Ngân hàng liên doanh có mức lời cao nhất, Bangkok Bank có số vốn không kỳ hạn tuyệt đối 100%.

Từ các điểm đó, chúng tôi giả định một cách tính r_x dựa vào công thức (3) và các hạn chế nêu trên.

- Lợi tức các nghiệp vụ khác không tính.

- Lãi suất ký thác dựa trên khung lãi suất hiện tại:

0,7% với ký thác không hạn kỳ

1,4% tính bình quân trên các tiền gửi kỳ hạn (vì để đơn giản hóa và có ý làm giảm nhẹ lãi suất cho vay).

- Dựa trên cấu trúc vốn thuận lợi nhất hiện nay: không kỳ hạn 91% trên tổng số, có kỳ hạn 10%.



vay với tiền lãi tối đa 20%/năm = 1,66% tháng (*Tuổi Trẻ* 28.5.94) một số NHTM sẽ gặp khó khăn nếu không có các biện pháp khắc phục, cũng như NHNN không kèm theo các biện pháp bổ túc (như trả lãi cho tiền dự trữ pháp định bằng hình thức cho thế chấp trái phiếu).

Hiện tại, vốn điều lệ các tổ chức tín dụng trong nước xấp xỉ 500 tỷ trong lúc vốn điều lệ các NH nước ngoài liên doanh trên 1.000 tỷ tính đến tháng 3.94. Sẽ có thêm nhiều NH nước ngoài vào hoạt động, với vốn lớn, uy tín sẵn có sức thu hút các nguồn vốn sẽ rất mạnh, chuyên viên lành nghề, hoạt động sẽ đa dạng hóa hơn, yếu tố làm cơ rút lãi suất sẽ rất cao.

Lại nữa, lâu nay các NHTM đều vi phạm điều 91 (dự trữ luật định).

Dự trữ này có thể tăng lên kèm theo các biện pháp chế tài mạnh mẽ do nhà nước muốn kiềm chế lạm phát, yếu tố làm bành trướng lãi suất gia tăng sự cạnh tranh lại càng gay gắt.

Việt Nam đang trên đà tăng trưởng, đầu tư nước ngoài sẽ tăng thêm, ngành dịch vụ như vậy sẽ gia tăng theo để đáp ứng nhu cầu mà mũi nhọn là NHTM.